TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2023/DS-PT
Ngày: 22/6/2023
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Cường**

Ông **Nguyễn Văn Tào**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Phạm Văn Phong**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa*: Ông **Trần Viết Tuấn**, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 52/2023/TLPT- DS ngày 14 tháng 4 năm 2023 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 22/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2308/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ đoàn kết số 04, thôn P, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Võ Thị Khánh H1, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư R, đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- ***Bị đơn:*** Ông Huỳnh Tứ H2, sinh năm 1955. Địa chỉ: Tổ đoàn kết số 02, thôn P1, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+ Ông Đoàn Công T1, sinh năm 1996. Địa chỉ: Tổ đoàn kết số 04, thôn P, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

+ Ông Đoàn Công D, sinh năm 1998. Địa chỉ: Soya 3809, Hadano, tỉnh Kanagawa, Nhật Bản, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn Công T1: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976, địa chỉ: Tổ đoàn kết số 04, thôn P, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Quảng

Nam. Bà Nguyễn Thị H ủy quyền lại cho bà Lê Thị Thu S, sinh năm 1998, trú tại: Thôn 3, xã Tiên Hiệp, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn Công D: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976, địa chỉ: Tổ đoàn kết số 04, thôn P, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đoàn Công T1 và ông Đoàn Công D: Luật sư Võ Thị Khánh H1, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư R, đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

+ Bà Lê Thị B, sinh năm 1960, vắng mặt

+ Bà Huỳnh Minh N, sinh năm 1982, có đơn xin xét xử vắng mặt

+ Ông Huỳnh Minh Q, sinh năm 1988, có đơn xin xét xử vắng mặt

+ Ông Huỳnh Minh S1, sinh năm 1983, có đơn xin xét xử vắng mặt

+ Bà Huỳnh Minh Tr, sinh năm 1985, có đơn xin xét xử vắng mặt

Cùng địa chỉ: Tổ đoàn kết số 02, thôn P1, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Quảng Nam.

Người kháng cáo: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Đoàn Công T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Công D trình bày:

Hộ gia đình bà do chồng là Đoàn D1 đứng tên chủ hộ (*nay chồng bà đã chết vào năm 2001*) được cấp quyền sử dụng đất thổ cư tại thửa đất số 307, tờ bản đồ số 3, thôn P1, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Quảng Nam theo Giấy CNQSD đất số 01251 QSDĐ/ĐL. Nay gia đình bà muốn xác định lại ranh giới để làm nhà, nên có mời Địa chính xã xuống đo đạc. Theo kết quả đo đạc thực tế so với trên bản đồ thửa đất gia đình bà và hộ ông Huỳnh Tứ H2 như sau:

- Chiều ngang phía trước hướng Đông Nam (*giáp đường bê tông*): thực tế đo đạc nhà bà 31,4m nhưng theo bản đồ là 33m; thực tế đo đạc nhà ông H2 là 35,6m nhưng trên bản đồ là 34m;

- Chiều ngang phía sau hướng Tây Bắc (*tính từ mặt cắt chiều ngang đất nhà ông H2*): thực tế đo đạc là 24,1m nhưng trên bản đồ là 29m; thực tế đo đạc nhà ông H2 là 16,9m nhưng trên bản đồ là 12m.

- Chiều dài giáp ranh với đất nhà ông H2, thực tế đo đạc là 33m nhưng trên bản đồ là 36m.

Gia đình bà đã gửi đơn đề nghị UBND xã Đ giải quyết. Địa chính xã và UBND xã đã mời hòa giải 02 lần, tại 02 buổi hòa giải ông Huỳnh Tứ H2 yêu cầu giữ nguyên hiện trạng đất nhưng bà không đồng ý.

Nay bà yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc ông Huỳnh Tứ H2 trả lại cho gia đình bà phần đất đã lấn chiếm qua đo đạc thực tế có diện tích 128,6m^2 đất thuộc thửa đất số 307, tờ bản đồ số 03 tại thôn P1, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Quảng Nam.

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Huỳnh Tứ H2 trình bày:

Ông Đoàn D1 (chồng bà H) được cấp giấy CNQSDĐ tại thửa đất số 307, tờ bản đồ số 3, diện tích 940m^2, còn gia đình ông được cấp giấy CNQSDĐ tại thửa đất số 308, tờ bản đồ số 3, diện tích 973,5m^2. Nguồn gốc đất của gia đình ông đang quản lý, sử dụng được ông mua vào năm 1981, phía Bắc có giáp với đất của ông Đoàn D1. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông yêu cầu Tòa án xác định phần diện tích đất bà Nguyễn Thị H tranh chấp, vì hiện tại bà H chỉ được cấp 940m^2 nhưng đo đạc thực tế thì bà H đang quản lý, sử dụng diện tích 1.107,6m^2 đất chưa tính phần diện tích tranh chấp là 128,6m^2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị B, bà Huỳnh Minh N, ông Huỳnh Minh Q, ông Huỳnh Minh S1 và bà Huỳnh Minh Tr thống nhất như lời trình bày của ông Huỳnh Tứ H2.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 22/02/2023 của Tòa ăn nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 26, 34, 35, 157, khoản 2 điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, khoản 1 Điều 167, Điều 203 của Luật Đất đai; Điều 11, Điều 164 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc buộc ông Huỳnh Tứ H2 trả lại diện tích đất tranh chấp 128,6m^2 tại thôn P1, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Quảng Nam (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 02 tháng 03 năm 2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đoàn Công T1 kháng cáo yêu cầu. Hủy án sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu bổ sung khởi kiện tại phiên tòa về việc hủy trích lục bản đồ chỉnh lý sang thửa đất số 308 tờ bản đồ số 5 và hủy nội dụng chính lý biến động điều chỉnh diện tích thửa đất 308 tờ bản đồ số 3 về việc tăng diện tích hộ ông Huỳnh Tứ H2.Tại phiên tòa người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu.

Quan điểm của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa. Về tố tụng, HĐXX chấp hành đúng của qui định pháp luật.

Về nội dụng. Đề nghị cấp phúc thẩm bác yêu cầu , giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Tòa cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp do Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H khởi kiện và xác định "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*" theo quy định tại khoản 5 Điều 26 và Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Xét kháng cáo Đoàn Công T1 thì thấy;

[2.1] Tòa cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp theo yêu cầu bà Nguyễn Thị H khởi kiện "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*" Buộc ông Huỳnh Tứ H2 trả lại cho gia đình bà phần đất đã lấn chiếm qua đo đạc thực tế có diện tích 128,6m^2 đất thuộc thửa đất số 307, tờ bản đồ số 03 tại thôn P1, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Quảng Nam nên Tòa cấp thụ lý giải quyết mà không cần phải đưa Chi nhánh Văn phòng đất đai huyện Đ1 tham gia tố tụng là đúng. Mặt khác theo như ông trình bày, tại phiên tòa sơ thẩm ông có yêu cầu khởi kiện bổ sung yêu cầu, hủy trích lục bản đồ chỉnh lý sang thửa đất số 308 tờ bản đồ số 5 và hủy nội dụng chính lý biến động điều chỉnh diện tích thửa đất 308 tờ bản đồ số 3 về việc tăng diện tích hộ ông Huỳnh Tứ H2. Tòa cấp sơ thẩm cho rằng vượt quá yêu cầu khởi kiện nên không xét theo qui định tại Điều 5 BLTTDS là đúng; Tuy nhiên Cấp sơ thẩm không nhận định đánh giá xem xét yêu cầu này nên Tòa án cấp phúc thẩm cũng không xem xét theo qui định của thẩm quyền xét xử phúc thẩm theo Điều 293 BLTTDS.

[2.2] Về yêu cầu ông H2 trả lại diện tích đất tranh chấp 128,6m^2 thì thấy. Phần diện tích 128,6m^2 đất tranh chấp từ năm 1990 đến nay, bà H không quản lý, sử dụng, không có tài sản gì trên đất. Trong khi đó phần diện tích 128,6m^2 đất tranh chấp, từ năm 1990 đến nay gia đình ông Huỳnh Tứ H2 quản lý, sử dụng, có tài sản là cây cối và vật kiến trúc trên đất. Và sau khi phát hiện Giấy CNQSD đất không đúng thực tế sử dụng đất, ông H2 đã yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền thực hiện chỉnh lý biến động tăng diện tích đất cho ông H2. Hồ sơ chỉnh lý biến động có các chữ ký của các chủ sử dụng đất liền kề (*trong đó có chữ ký bà Nguyễn Thị H*). Hiện nay, diện tích 128,6m^2 đất tranh chấp nằm trong thửa đất số 308, tờ bản đồ số 3, có diện tích 973,5m^2 tại thôn P1, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Quảng Nam do ông Huỳnh Tứ H2 quản lý, sử dụng theo Giấy CNQSD đất do UBND huyện Đ1 cấp ngày 13/12/1994 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đ1 chỉnh lý biến động tăng ngày 28/8/2014.

Ngoài ra, theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 01-2022 do Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam đo vẽ ngày 12/4/2022 (BL 75) hiện nay hộ bà H đang sử dụng diện tích 1.107,6m^2 đất (*không tính phần diện tích 128,6m^2 đất tranh chấp*)

lớn hơn diện tích được cấp Giấy CNQSD đất (1.107,6m^2 – 940m^2) là 167,6m^2. Xét thấy Tòa sơ thẩm đã nhận định khách quan, áp dụng đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông T1 phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các điều 26, 34, 35, 157, khoản 2 điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, khoản 1 Điều 167, Điều 203 của Luật Đất đai; Điều 11, Điều 164 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc buộc ông Huỳnh Tứ H2 trả lại diện tích đất tranh chấp 128,6m^2 tại thôn P1, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Quảng Nam (*có sơ đồ bản vẽ kèm theo*).

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đoàn Công T1 phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000336 ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Tồn